DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC TƯ PHÁP ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1521/QĐ-UBND ngày 09 tháng 06 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số** **TT** | **Mã thủ tục hành chính** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn giải quyết** | | **Địa điểm thực hiện** | **Cách thức thực hiện** | | | **Phí/ lệ phí** | | | **Căn cứ pháp lý** | | | **Ghi chú**  *(Theo Quyết* *định số 2800/QĐ-UBND ngày* *29/9/2021)* |
| **I** | **Lĩnh vực Hộ tịch: 22 TTHC** | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 1.001193. 000.00.00. H50 | Thủ tục đăng ký khai sinh | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã | Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính | | | Lệ phí: 5.000 đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - *Nghị quyết số* *13/2022/NQ-HĐND ngày* *15 tháng 4 năm 2022 của* *HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 2 | 1.004772. 000.00.00. H50 | Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân | - 05 ngày làm việc.  *- Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày* | | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã | Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính | | | Lệ phí: 5.000 đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - *Nghị quyết số* *13/2022/NQ-HĐND ngày* *15 tháng 4 năm 2022 của* *HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 3 | 1.000689. 000.00.00. H50 | Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con | - 03 ngày làm việc.  - Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc. | | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã | Trực tiếp | | | - Lệ phí: đăng ký khai sinh: 5.000 đồng/ trường hợp.  - Lệ phí đăng ký nhận cha, mẹ, con: 10.000 đồng/ trường hợp.  Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Luật Hôn nhân và gia đình 52/2014/QH13; - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - *Nghị quyết số* *13/2022/NQ-HĐND ngày* *15 tháng 4 năm 2022 của* *HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 4 | 1.004884. 000.00.00. H50 | Thủ tục đăng ký lại khai sinh | - 05 ngày làm việc.  *- Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá* *25 ngày* | | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã | Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính | | | Lệ phí: 5.000 đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Luật Hộ tịch số 60/2014/ QH13;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;  - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;  - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - *Nghị quyết số* *13/2022/NQ-HĐND ngày* *15 tháng 4 năm 2022 của* *HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 5 | 1.000656. 000.00.00. H50 | Thủ tục đăng ký khai tử | Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc. | | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã | Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính | | | Lệ phí: 5.000 đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;  - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - *Nghị quyết số* *13/2022/NQ-HĐND ngày* *15 tháng 4 năm 2022 của* *HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 6 | 1.005461. 000.00.00. H50 | Đăng ký lại khai tử | - 05 ngày làm việc.  - Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc. | | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã | Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính | | | Lệ phí: 5.000 đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;  - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - *Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày* *15 tháng 4 năm 2022 của* *HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 7 | 1.000894. 000.00.00. H50 | Thủ tục đăng ký kết hôn | - Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.  - Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc | | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã | Trực tiếp | | | Không | | | - Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13;  - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;  - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - *Nghị quyết số* *13/2022/NQ-HĐND ngày* *15 tháng 4 năm 2022 của* *HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 8 | 1.004746. 000.00.00. H50 | Thủ tục đăng ký lại kết hôn | - 05 ngày làm việc.  *- Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày* | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã | | | Trực tiếp | | | Lệ phí: 20.000 đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí đối với: Người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13;  - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;  - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - *Nghị quyết số* *13/2022/NQ-HĐND ngày* *15 tháng 4 năm 2022 của* *HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 9 | 1.004873. 000.00.00. H50 | Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân | - 03 ngày làm việc;  *- Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá* *23 ngày* | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã | | | Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính | | | Lệ phí: 10.000 đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13;  - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;  - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - *Nghị quyết số* *13/2022/NQ-HĐND ngày* *15 tháng 4 năm 2022 của* *HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 10 | 1.004859. 000.00.00. H50 | Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch | - 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.  - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã | | | Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính | | | Lệ phí: 10.000 đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;  - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;  - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - *Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 11 | 1.004837. 000.00.00. H50 | Thủ tục đăng ký giám hộ | 3 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã | | | Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính | | | Không | | | - Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;  - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;  - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - *Nghị quyết số* *13/2022/NQ-HĐND ngày* *15 tháng 4 năm 2022 của* *HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 12 | 1.004845. 000.00.00. H50 | Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ | 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã | | | Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính | | | Không | | | - Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;  - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;  - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - *Nghị quyết số* *13/2022/NQ-HĐND ngày* *15 tháng 4 năm 2022 của* *HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 13 | 1.001022. 000.00.00. H50 | Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con | - 03 ngày làm việc.  - Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã | | | Trực tiếp | | | Lệ phí: 10.000 đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13;  - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;  - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - *Nghị quyết số* *13/2022/NQ-HĐND ngày* *15 tháng 4 năm 2022 của* *HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 14 | 1.003583. 000.00.00. H50 | Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động | Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận. | Thực hiện đăng ký lưu động tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động | | | Trực tiếp | | | Lệ phí: 5.000 đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;  - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - *Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 15 | 1.000419. 000.00.00. H50 | Thủ tục đăng ký khai tử lưu động | Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận. | Thực hiện đăng ký lưu động tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động | | | Trực tiếp | | | Lệ phí: 5.000 đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;  - Thông tư 106/2021/TT- BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - *Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 16 | 1.000593. 000.00.00. H50 | Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động | 05 ngày làm việc | Thực hiện tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động | | | Trực tiếp | | | Không | | | - Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13;  - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/05/2020 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;  - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - *Nghị quyết số* *13/2022/NQ-HĐND ngày* *15 tháng 4 năm 2022 của* *HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 17 | 2.001023. 000.00.00. H50 | Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi | - Không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định.  - Trường hợp hồ sơ, thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định mà Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã phải hoàn thiện hồ sơ, bổ sung thông tin theo yêu cầu của cơ quan Bảo hiểm xã hội thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc.  - Đối với các xã cách xa trụ sở cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện từ 50 km trở lên, giao thông đi lại khó khăn, chưa được kết nối Internet thì thời hạn trả kết quả được kéo dài thêm nhưng không quá 05 ngày làm việc. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã | | | Trực tiếp | | | Lệ phí đăng ký khai sinh: 5.000đ/ trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;  - Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/ QH13;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/05/2020 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 Hướng dẫn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi;  - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;  - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - *Nghị quyết số* *13/2022/NQ-HĐND ngày* *15 tháng 4 năm 2022 của* *HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 18 | 2.000986. 000.00.00. H50 | Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi | - Không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định.  - Trường hợp hồ sơ, thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định mà Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã phải hoàn thiện hồ sơ, bổ sung thông tin theo yêu cầu của cơ quan Công an, cơ quan Bảo hiểm xã hội thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc.  - Đối với các xã cách xa trụ sở cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện hoặc cơ quan Công an cấp huyện từ 50 km trở lên, giao thông đi lại khó khăn, chưa được kết nối Internet thì thời hạn trả kết quả được kéo dài thêm nhưng không quá 05 ngày làm việc. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã | | | Trực tiếp | | | - Lệ phí đăng ký khai sinh: 5.000đ/ trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.  - Lệ phí đăng ký thường trú:  + Thành phố Đông Hà: 15.000 đồng/lần đăng ký;  + Khu vực miền núi, hải đảo: 5.000 đồng/lần đăng ký;  + Khu vực khác: 7.000 đồng/lần đăng ký. | | | - Luật Cư trú số 81/2006/QH11;  -Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;  - Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/ QH13;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/05/2020 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 Hướng dẫn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi;  - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;  - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - *Nghị quyết số* *13/2022/NQ-HĐND ngày* *15 tháng 4 năm 2022 của* *HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 19 | 1.000110. 000.00.00. H50 | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ.  Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã | | | Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính | | | Lệ phí: 5.000đ/trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;  - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - *Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 20 | 1.000094. 000.00.00. H50 | Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới | - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã | | | Trực tiếp | | | Không | | | - Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13;  - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;  - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - *Nghị quyết số* *13/2022/NQ-HĐND ngày* *15 tháng 4 năm 2022 của* *HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 21 | 1.000080. 000.00.00. H50 | Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới | - Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12 ngày làm việc. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã | | | Trực tiếp | | | Lệ phí: 10.000 đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;  - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;  - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - *Nghị quyết số* *13/2022/NQ-HĐND ngày* *15 tháng 4 năm 2022 của* *HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
| 22 | 1.004827. 000.00.00. H50 | Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới | - Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.  - Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã | | | Trực tiếp/ qua dịch vụ bưu chính | | | Lệ phí: 5.000 đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | | | - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;  - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;  - Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;  - *Nghị quyết số* *13/2022/NQ-HĐND ngày* *15 tháng 4 năm 2022 của* *HĐND tỉnh Quảng Trị.* | | *Sửa đổi căn cứ* *pháp lý. Lệ phí không thay đổi.* |
|  |  |  |  |  |  | |  |  | |  |  | |  |  |  |

**Tổng cộng: 22 TTHC cấp xã**